

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **30** tháng **11** năm 2020. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tiến Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Lai Châu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh.
2. Các doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh.
3. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức và cá nhân không thuộc Khoản 1, Khoản 2 Điều này áp dụng các quy định tại quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu là hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, được sử dụng trong hoạt động truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi là mạng truyền số liệu chuyên dùng và viết tắt là “mạng TSLCD”). Mạng TSLCD bao gồm mạng TSLCD cấp I và mạng TSLCD cấp II.
2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II (gọi tắt là mạng TSLCD cấp II) trên địa bàn tỉnh Lai Châu kết nối tới:
 - a) Tỉnh ủy; Huyện ủy, thành ủy; Đảng ủy xã, phường, thị trấn;
 - b) Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã;
 - c) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã;

d) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và cấp huyện;

đ) Tòa án nhân dân tỉnh; tòa án nhân dân huyện, thành phố;

e) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;

g) Các đối tượng khác theo yêu cầu của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

3. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Lai Châu là các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh có điểm kết nối vào mạng TSLCD cấp II.

4. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp, quản lý, vận hành và khai thác mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II là doanh nghiệp viễn thông có mạng lưới cáp quang nền cấp xã trên địa bàn tỉnh; có đủ năng lực hạ tầng mạng kết nối đến các đơn vị thuộc mạng TSLCD cấp II.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên mạng máy tính và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

2. Mạng TSLCD cấp II được quản lý, vận hành theo hình thức tập trung, thống nhất; được sử dụng đúng mục đích, thiết thực, hiệu quả, an toàn, được rà soát, kiểm tra, đánh giá định kỳ để đảm bảo an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành, sử dụng. Phải đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ/ngày và 07 ngày/tuần).

3. Việc sử dụng dữ liệu, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

4. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên mạng TSLCD cấp II phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

5. Thông tin quan trọng truyền tải trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, mã hóa bằng mật mã cơ yếu.

Điều 5. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II

Dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II bao gồm:

1. Dịch vụ cơ bản

- a) Dịch vụ mạng riêng ảo (điểm điểm, đa điểm);
- b) Dịch vụ kênh thuê riêng;
- c) Dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng;
- d) Dịch vụ hội nghị truyền hình;
- đ) Dịch vụ thoại;
- e) Các dịch vụ cơ bản khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Dịch vụ giá trị gia tăng

- a) Dịch vụ thư thoại;
- b) Dịch vụ thư điện tử;
- c) Dịch vụ IPTV;
- d) Dịch vụ thuê máy chủ ảo;
- đ) Các dịch vụ giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Dịch vụ cộng thêm

a) Các dịch vụ cộng thêm của thoại IP, gồm: dịch vụ hiển thị số chủ gọi, dịch vụ chờ cuộc gọi, dịch vụ chuyển cuộc gọi, dịch vụ chặn cuộc gọi, dịch vụ quay số tắt;

b) Các dịch vụ cộng thêm khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Ứng dụng khai thác trên mạng TSLCD cấp II

1. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

2. Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến - Hệ thống một cửa điện tử tỉnh.

3. Hệ thống Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

4. Hệ thống Camera trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ các cơ quan nhà nước giám sát hoạt động, quản lý công tác đảm bảo an ninh, an toàn trật tự xã hội; xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh.

5. Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

6. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, bao gồm: hệ thống từ tỉnh đến huyện và hệ thống từ huyện đến xã.

7. Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II

1. Mức giá cước dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước được quy định không vượt quá 50% giá cước của các dịch vụ công cộng tương ứng tại cùng thời điểm.

2. Doanh nghiệp thực hiện công khai giá cước dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II

1. Mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Lai Châu phải đáp ứng tối thiểu các tiêu chí yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, được quy định tại khoản 3, Điều 9 Thông tư 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Thiết kế hạ tầng mạng TSLCD cấp II có phân vùng thành từng vùng mạng chức năng phù hợp với hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

3. Có phương án quản lý truy nhập hệ thống từ các mạng bên ngoài, nhằm quản lý và ngăn chặn các truy nhập trái phép từ các mạng bên ngoài vào mạng trong.

4. Có biện pháp quản lý truy nhập từ bên trong mạng ra các mạng bên ngoài và mạng Internet, nhằm bảo đảm chỉ những kết nối mạng hợp lệ theo chính sách của cơ quan, tổ chức mới được cho phép kết nối ra bên ngoài.

5. Có phương án lưu trữ và quản lý nhật ký hệ thống phục vụ việc theo dõi, giám sát hoạt động bình thường, các hoạt động liên quan đến an toàn thông tin của hệ thống.

6. Có phương án phòng, chống xâm nhập, phần mềm độc hại, nhằm giám sát phát hiện sớm, xử lý và ngăn chặn những cuộc tấn công mạng, những sự kiện bất thường xảy ra trên hệ thống qua môi trường mạng.

7. Có phương án bảo vệ các thiết bị mạng, thiết bị an toàn thông tin trong hệ thống, nhằm giám sát và ngăn cản truy nhập, thay đổi trái phép cấu hình và hoạt động của thiết bị.

8. Các kết nối đến mạng TSLCD phải bảo đảm an toàn, bảo mật đường truyền theo quy định.

9. Dịch vụ được triển khai trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

Điều 9. Quy định về kết nối đối với doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II

1. Doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm kết nối giữa các điểm thuộc mạng TSLCD cấp II căn cứ theo nhu cầu sử dụng của các cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và bảo đảm thực hiện các yêu cầu về kết nối theo yêu cầu của Cục Bưu điện Trung ương.

2. Để bảo đảm kết nối giữa mạng TSLCD cấp I và cấp II, doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập kết nối trung kế sang mạng TSLCD cấp I.

3. Phương thức kết nối:

a) Các điểm kết nối mạng TSLCD cấp II được định tuyến trực tiếp về thiết bị tập trung của mạng TSLCD cấp I hoặc định tuyến về thiết bị tập trung mạng diện rộng của địa phương;

b) Các điểm kết nối mạng TSLCD cấp II kết nối đến mạng TSLCD cấp I phải được định tuyến qua thiết bị tập trung của mạng TSLCD cấp I.

4. Tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến: bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) cho mạng TSLCD.”

5. Căn cứ vào nhu cầu quản lý tập trung về kết nối và tốc độ sử dụng đối với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II (thông qua đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông), doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm kết nối, tốc độ truy cập của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II đảm bảo ổn định, thông suốt.

6. Doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập địa chỉ IP, thông số kết nối cho đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II đã được Cục Bưu điện Trung ương hướng dẫn, quy hoạch cho tỉnh Lai Châu.

7. Doanh nghiệp viễn thông được cung cấp dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có mạng lưới tại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Có đủ năng lực hạ tầng mạng kết nối đến các đơn vị thuộc mạng TSLCD cấp II;

c) Có đội ngũ nhân sự bảo đảm giám sát, vận hành và hỗ trợ xử lý sự cố trực tiếp tại các điểm kết nối, có đường kết nối đến mạng TSLCD cấp I;

d) Được cơ quan Đảng, Nhà nước tại địa phương lựa chọn là đơn vị cung cấp dịch vụ.

e) Doanh nghiệp viễn thông phải sử dụng thiết bị định tuyến riêng cho việc kết nối đến mạng TSLCD cấp I và thiết bị tập trung kết nối các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Xây dựng Kế hoạch phát triển mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh để tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

3. Chủ trì kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

4. Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện việc lựa chọn, thỏa thuận, ký hợp đồng với doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ đường truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo khả năng vận hành"

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II

1. Công bố các điểm đăng ký dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại (sau đây gọi tắt là điểm đăng ký dịch vụ) của các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

2. Xây dựng và công bố quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu và ủy quyền điểm đăng ký dịch vụ gần nhất tiến hành thương thảo, ký kết hợp đồng với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

3. Bảo đảm chất lượng dịch vụ, độ sẵn sàng đối với các điểm kết nối thuộc mạng TSLCD cấp II tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Tuân thủ các quy định về kết nối, chất lượng mạng và bảo đảm an toàn thông tin đối với mạng TSLCD theo quy định do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

5. Huy động hạ tầng, năng lực của doanh nghiệp để Cục Bưu điện Trung ương phục vụ thông tin khẩn cấp theo yêu cầu của các cơ quan Đảng, Nhà nước tại Trung ương.

6. Triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng và con người để bảo đảm cơ sở hạ tầng mạng TSLCD hoạt động liên tục và an toàn.

7. Phải báo cáo và chịu sự giám sát, thẩm định của Cục Bưu điện Trung ương đối với các dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD và các sự cố đối với mạng TSLCD cấp II.

8. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông trong thực hiện các quy định của pháp luật về điều hành hoạt động, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

9. Chỉ được phép lắp đặt mới, mở rộng kết nối mạng TSLCD cấp II trong các cơ quan nhà nước khi có văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông.

10. Kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch vụ mới ban hành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Quản lý, khai thác và bảo vệ thiết bị mạng của điểm kết nối đặt tại cơ quan mình theo quy định về mạng TSLCD và hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp đường truyền và dịch vụ.

2. Bảo đảm nội dung, thông tin truyền đưa trên mạng TSLCD theo đúng quy định pháp luật.

3. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến mạng TSLCD không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống mạng TSLCD.

4. Khi có sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền để giải quyết.

5. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan như:

- a) Quản lý hệ thống tường lửa của đơn vị đối với mạng TSLCD;
- b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của đơn vị được thiết lập (nếu có) trên nền tảng mạng TSLCD;
- c) Quản lý các tên miền của đơn vị;
- d) Quản lý các chính sách kết nối Internet của đơn vị thông qua mạng TSLCD;

đ) Ghi lại các sự cố, lỗi xảy ra về kết nối mạng TSLCD, về an toàn, bảo mật thông tin; trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của đơn vị phải thông báo với Sở Thông tin và Truyền thông hoặc điểm đăng ký dịch vụ gần nhất của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ để phối hợp khắc phục kịp thời, nhanh chóng.

6. Đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số với Ban Cơ yếu Chính phủ để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trên mạng TSLCD.

7. Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến mạng TSLCD, cần thông báo cho Cục Bưu điện Trung ương (đối với mạng TSLCD cấp I) hoặc Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (đối với mạng TSLCD cấp II) trước tối thiểu 05 ngày làm việc để bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể của mạng TSLCD.

8. Bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD; xây dựng quy chế nội bộ về sử dụng mạng TSLCD.

9. Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin.

10. Thiết lập địa chỉ IP trên các máy trạm tham gia vào hệ thống mạng nội bộ của đơn vị; chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin của đơn vị được truyền tải trên mạng TSLCD cấp II.

11. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng trong việc thiết lập hệ thống máy chủ, cài đặt thiết bị, địa chỉ IP kết nối mạng TSLCD cấp II; tổ chức khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm do đơn vị chủ trì triển khai trên mạng TSLCD cấp II.

12. Tổ chức, phân công cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách, bán chuyên trách công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng máy tính tại đơn vị.

13. Đối với các sự cố thông thường (về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ,...) các đơn vị liên hệ trực tiếp đầu mối bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II để được hỗ trợ khắc phục sự cố.

14. Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền, các sự cố liên quan đến an toàn thông tin, mất dữ liệu,...) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; vượt quá khả năng tự khắc phục của cơ quan, đơn vị phải nhanh chóng thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để điều phối việc khắc phục.

Điều 13. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Người sử dụng (*thuộc các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II*) khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II. Mọi vi phạm tùy thuộc vào mức độ, đều bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào mạng TSLCD cấp II.

3. Không tự ý cài đặt, lắp đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng TSLCD cấp II; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

4. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên mạng TSLCD cấp II cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

5. Khi phát hiện sự cố xảy ra phải thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để giải quyết.

Điều 14. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng mạng TSLCD phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tiến Dũng
Trần Tiến Dũng

